

Số: /QĐ-UBND

An Lão, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Hội Chữ thập đỏ năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thành phố về việc ban hành một số Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng; Quyết định 71/2022/QĐ-UBND về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND thành phố;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao biên chế, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện An Lão;

Căn cứ Thông báo số 11/TB-SNV ngày 18/01/2024 của Sở Nội vụ Thông báo biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện An Lão năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Hội Chữ thập đỏ năm 2024 là 1838 người và 74 hợp đồng lao động, cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: **1800** người làm việc và **74** hợp đồng lao động (kèm theo biểu chi tiết);
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: **19** người làm việc;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: **18** người làm việc;
- Hội Chữ thập đỏ: **01** người làm việc.

Điều 2. Giao các cơ quan: Nội vụ, Tài chính- Kế hoạch căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kinh phí và số người làm việc tại các đơn vị đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính- Kế hoạch, Giám đốc các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV (6b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Thị Thanh Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẠC MÀM NON NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND huyện An Lão)

STT	Trường	Tổng số người làm việc	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động	Ghi chú
A	B	$l=2+3$	2	3	4
1	Bát Trang	41	40	1	
2	Trường Thọ	42	41	1	
3	Trường Thành	33	33		
4	An Tiến	28	27	1	
5	An Thắng	30	30		
6	Tân Dân	25	24	1	
7	Trường Sơn	28	28		
8	Thái Sơn	44	43	1	
9	An Thái	45	44	1	
10	An Thọ	29	29		
11	Mỹ Đức	45	45		
12	Chiến Thắng	36	35	1	
13	Tân Viên	37	36	1	
14	Quốc Tuấn	36	35	1	
15	Quang Hưng	35	34	1	
16	Quang Trung	40	39	1	
17	MN Sao Sáng	40	39	1	
	Cộng	614	602	12	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẬC TIỂU HỌC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND huyện An Lão)

STT	Trường	Tổng số người làm việc	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động	Ghi chú
A	B	$l=2+3$	2	3	4
1	Bát Trang	42	41	1	
2	Trường Thọ	49	49		
3	TH&THCS Trường Thành	27	27		
4	An Tiên	43	43		
5	Thị trấn An Lão	34	33	1	
6	An Thắng	32	32		
7	Tân Dân	34	34		
8	Trường Sơn	40	40		
9	Trần Tất Văn	55	55		
10	Nguyễn Đốc Tín	43	43		
11	TH&THCS Lê Khắc Cẩn	24	24		
12	Mỹ Đức I	31	31		
13	Mỹ Đức II	28	28		
14	TH &THCS Chiên Thắng	29	29		
15	Tân Viên	38	38		
16	Quốc Tuấn	41	41		
17	Quang Hưng	31	31		
18	Quang Trung	41	41		
	Cộng	662	660	2	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của UBND huyện An Lão)

STT	Trường	Tổng số người làm việc	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động	Ghi chú
A	B	$l=2+3$	2	3	4
1	Bát Trang	37	33	4	
2	TH&THCS Trường Thành	27	24	3	
3	Trường Thọ	39	35	4	
4	An Tiến	33	28	5	
5	Lương Khánh Thiện	36	34	2	
6	Tân Thắng	56	53	3	
7	Trường Sơn	37	34	3	
8	Thái Sơn	45	40	5	
9	Nguyễn Chuyên Mỹ	39	35	4	
10	TH&THCS Lê Khắc Cần	27	24	3	
11	Mỹ Đức	48	43	5	
12	TH&THCS Chiến Thắng	31	27	4	
13	Tân Viên	35	31	4	
14	Quốc Tuấn	41	37	4	
15	Quang Trung	39	34	5	
16	Quang Hưng	28	26	2	
17	Cộng	598	31	60	